



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÁP TREO BÀ NÀ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 458/2024/CV- GD/BNC

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 10 năm 2024

(V/v: các vấn đề liên quan đến Tài Sản Bảo
Đảm liên quan đến các trái phiếu do Công ty
Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà phát hành)

CÔNG VĂN XIN Ý KIẾN

- Kính gửi :
- NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU
 - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG
("TCBS" hay "Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu")
 - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
("Techcombank" hay "Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm")

Căn cứ:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà ("**Công Ty**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**BNC**") đã phát hành riêng lẻ các trái phiếu bằng đồng Việt Nam, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, chi tiết như được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm văn bản này (các trái phiếu sau đây được gọi riêng là "**Trái Phiếu**" và gọi chung là "**Các Trái Phiếu**")
Mỗi Trái Phiếu có các điều kiện và điều khoản ("**Các Điều Khoản Trái Phiếu**") như được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm mỗi hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu được ký kết giữa TCBS và Tổ Chức Phát Hành tương ứng như quy định tại Phụ lục 1 đính kèm văn bản này (các hợp đồng đại diện cho Các Trái Phiếu được gọi chung là "**Các Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**");
- Các hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm ký giữa BNC, Techcombank và các Bên Bảo Đảm như được liệt kê tại Phụ lục 1 của văn bản này ("**Các Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**");
- Các hợp đồng thế chấp bất động sản ký giữa BNC và Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm như được liệt kê tại Phụ lục 1 của văn bản này ("**Các Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản**");
- Các Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản ký giữa BNC và Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm như được liệt kê tại Phụ lục 1 của văn bản này ("**Các Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản**");
- Các hợp đồng thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai ký giữa BNC và Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm như được liệt kê tại Phụ lục 1 của văn bản này ("**Các Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai**");
- Các văn kiện Trái Phiếu khác có liên quan;



- *Thực tế phát sinh;*

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong văn bản này, các thuật ngữ viết hoa khi được sử dụng trong văn bản này sẽ có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu, Các Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Các Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản, Các Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản, Các Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai.

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và tin tưởng của Quý tổ chức trong thời gian vừa qua.

XÉT RÀNG:

(a) Các Trái Phiếu đang được bảo đảm bởi các tài sản ("**Tài Sản Bảo Đảm**") như sau :

- (i) Toàn bộ động sản và quyền tài sản phát sinh và/hoặc liên quan đến Dự Án Bà Nà Thế Chấp;
- (ii) Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất liên quan đến Dự Án Bà Nà Thế Chấp;
- (iii) Toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai liên quan đến Dự Án Bà Nà Thế Chấp; và
- (iv) Các cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà thuộc sở hữu của các cá nhân theo quy định tại các hợp đồng thế chấp cổ phần có liên quan ("**Cổ Phần BNC Thế Chấp**").

Chi tiết về Tài Sản Bảo Đảm được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm và văn kiện Trái Phiếu khác có liên quan.

(b) Theo văn kiện Các Trái Phiếu, ngoài nghĩa vụ liên quan đến Các Trái Phiếu, một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm được liệt kê tại mục (a) nói trên hiện đã và có thể được sử dụng để bảo đảm cho:

- (i) các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến các trái phiếu có mã BNCCB2126001, BNCCB2126002, BNCCB2328001, BNCCB2328002, BNCCB2328003 ("**Các Trái Phiếu Khác**");
- (ii) các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến các khoản vay của Tổ Chức Phát Hành tại Techcombank theo Hợp đồng tín dụng số MMD201912553111/HDTD và các phụ lục đính kèm ("**Khoản Vay Hiện Tại**");
- (iii) Các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến các khoản nợ của bên thứ ba tại Techcombank theo Hợp đồng thế chấp số MMD202314087692 ("**Nghĩa Vụ Bên Thứ Ba Hiện Tại**"); và/hoặc
- (iv) các nghĩa vụ thanh toán theo các khoản vốn không phải là Các Trái Phiếu, Các Trái Phiếu Khác, Khoản Vay Hiện Tại được Tổ Chức Phát Hành huy động để (A) tài trợ cho Dự Án Bà Nà và/hoặc (B) tài trợ cho các mục đích khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) dưới hình thức vay vốn của các ngân hàng thương mại và/hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và/hoặc các hình thức khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) ("**Các Nghĩa Vụ Nợ Khác**").

- (c) Các Trái Phiếu, Các Trái Phiếu Khác, Khoản Vay Hiện Tại và Các Nghĩa Vụ Nợ Khác sẽ ngang bằng nhau về mọi khía cạnh. Để làm rõ, khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo bất kỳ hợp đồng bảo đảm nào hoặc bất kỳ văn kiện Trái Phiếu nào hoặc văn kiện có liên quan đến Các Trái Phiếu Khác, Khoản Vay Hiện Tại và Các Nghĩa Vụ Nợ Khác nào, thứ tự ưu tiên thanh toán liên quan đến Các Trái Phiếu, Khoản Vay Hiện Tại và Các Nghĩa Vụ Nợ Khác là ngang nhau và sẽ được ưu tiên thanh toán trước so với Nghĩa Vụ Bên Thứ Ba Hiện Tại hoặc bất kỳ khoản nợ của chủ nợ hay bên có quyền nào khác đối với các Tài Sản Bảo Đảm đó (nếu có).

ĐỀ XUẤT:

Xuất phát từ nhu cầu thể chấp cụ thể tài sản bảo đảm cho Các Trái Phiếu và sử dụng tài sản hiện tại và phát sinh trong tương lai để đảm bảo nhu cầu kinh doanh, chúng tôi đề nghị Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hỗ trợ thực hiện lấy ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu cho các nội dung sau:

1. **Đề xuất thứ nhất:** Điều chỉnh lại phạm vi thể chấp Tài Sản Bảo Đảm cho Các Trái Phiếu, cụ thể như sau:

Tài Sản Bảo Đảm cho Các Trái Phiếu gồm có:

- (a) **Đối với Tài Sản Bảo Đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:**

Tài Sản Bảo Đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất liên quan đến Dự Án Bà Nà Thế Chấp ("**Tài Sản Bảo Đảm BĐS Dự Án Bà Nà Thế Chấp**"). Tại thời điểm hiện tại Tài Sản Bảo Đảm BĐS Dự Án Bà Nà Thế Chấp là các tài sản được quy định chi tiết tại Phần A – Phụ lục 2 đính kèm Công văn xin ý kiến này.

Để làm rõ, trong trường hợp xảy ra các sự kiện "**Thay Đổi Được Phép**" (như được định nghĩa dưới đây) dẫn đến Tài Sản Bảo Đảm BĐS Dự Án Bà Nà Thế Chấp được mô tả tại Phần A – Phụ lục 2 đính kèm văn bản này thay đổi, chúng tôi sẽ phối hợp với Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm ký kết các thỏa thuận/phụ lục sửa đổi Các Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản để phù hợp với tình trạng hồ sơ pháp lý của Tài Sản Bảo Đảm BĐS Dự Án Bà Nà Thế Chấp tại từng thời điểm và quy định của các văn kiện trái phiếu có liên quan.

Tổ Chức Phát Hành cam kết hoàn thiện các thủ tục thể chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khác liên quan đến Dự Án Bà Nà Thế Chấp (mà không phải tài sản bảo đảm được quy định chi tiết tại Phần A – Phụ lục 2 đính kèm Công văn xin ý kiến này) trong vòng 120 (*một trăm hai mươi*) Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn khác được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận) kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và/hoặc quyền sở hữu các công trình hình thành trên đất.

- (b) **Đối với Tài Sản Bảo Đảm là bất động sản hình thành trong tương lai:**

Tài Sản Bảo Đảm là bất động sản hình thành trong tương lai liên quan đến Dự Án Bà Nà Thế Chấp ("**Tài Sản Bảo Đảm BĐSHTTTL Dự Án Bà Nà Thế Chấp**"). Tại thời điểm hiện tại Tài Sản Bảo Đảm BĐSHTTTL Dự Án Bà Nà Thế Chấp là các tài sản được quy định chi tiết tại Phần B – Phụ lục 2 đính kèm Công văn xin ý kiến này.

Để làm rõ, trong trường hợp xảy ra các sự kiện "**Thay Đổi Được Phép**" dẫn đến Tài Sản Bảo Đảm BĐSHTTTL Dự Án Bà Nà Thế Chấp được mô tả tại Phần B – Phụ lục 2 đính kèm văn bản này thay đổi, chúng tôi sẽ phối hợp với Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm ký kết các thỏa thuận/phụ lục sửa đổi Các Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản Hình

Thành Trong Tương Lai để phù hợp với tình trạng pháp lý của Tài Sản Bảo Đảm BĐSHTTTL Dự Án Bà Nà Thế Chấp tại từng thời điểm và quy định của các văn kiện trái phiếu có liên quan.

(c) **Đối với Tài Sản Bảo Đảm là tất cả động sản, quyền tài sản có được từ Dự Án Bà Nà Thế Chấp:**

Tài Sản Bảo Đảm là tất cả động sản, quyền tài sản có được từ Dự Án Bà Nà Thế Chấp như được quy định chi tiết tại Phần C - Phụ lục 2 đính kèm Công văn xin ý kiến này (“**Tài Sản Bảo Đảm ĐSQTS Dự Án Bà Nà Thế Chấp**”).

(d) **Đối với Tài Sản Bảo Đảm là Cổ Phần BNC Thế Chấp:** không thay đổi so với các Hợp Đồng Bảo Đảm và các văn bản, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung đã ký kết có liên quan.

2. **Đề xuất thứ hai:** Tổ Chức Phát Hành được phép giải chấp một phần/toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm khi xảy ra các Thay Đổi Được Phép (mà việc thay đổi này có thể cần phải thực hiện thủ tục chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Biện Pháp Bảo Đảm liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm hiện hữu có liên quan) với điều kiện:

- (a) Tài Sản Bảo Đảm mới được hình thành từ Thay Đổi Được Phép đó sẽ tiếp tục được sử dụng để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm;
- (b) không muộn hơn 120 (*một trăm hai mươi*) Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn khác được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận) kể từ ngày giải chấp Tài Sản Bảo Đảm có liên quan, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan phải hoàn tất các công việc theo quy định tại Các Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan.

Trong đó:

“**Thay Đổi Được Phép**” có nghĩa là các thay đổi liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm mà Bên Bảo Đảm được phép thực hiện với điều kiện Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan phải thông báo cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận trước khi thực hiện các hành động được đề cập dưới đây:

- (i) thực hiện việc chuyển nhượng hoặc chuyển giao theo bất kỳ hình thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn việc bán, chuyển nhượng, trao đổi, hoán đổi, cho thuê, cho mượn, góp vốn) một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm hoặc tham gia các giao dịch tổ chức lại, đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp (bao gồm cả việc sáp nhập Bên Bảo Đảm vào doanh nghiệp khác, hợp nhất Bên Bảo Đảm và doanh nghiệp khác thành một doanh nghiệp mới) với điều kiện là, nếu xảy ra việc chuyển giao quyền sở hữu Tài Sản Bảo Đảm thì bên nhận chuyển giao quyền sở hữu phải tiếp tục dùng Tài Sản Bảo Đảm để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm với các điều khoản và điều kiện tương tự với quy định của các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan (với những thay đổi thích hợp cho phù hợp với bối cảnh);
- (ii) thực hiện các thay đổi khác đối với Tài Sản Bảo Đảm (không bao gồm các thay đổi với quyền sử dụng đất) bao gồm sửa chữa, duy tu, chuyển đổi công năng, xây mới, coi nới, mở rộng hoặc thay đổi khác (nếu có) đối với Tài Sản Bảo Đảm với điều kiện là Bên Bảo Đảm phải cung cấp cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm một báo cáo định giá của Công Ty Xác Định Giá Được Phép (trừ trường hợp Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm có chấp thuận khác), sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm trên cơ sở giá trị của Tài Sản Bảo Đảm

được xác định bởi Công Ty Xác Định Giá Được Phép đó với giá định sau khi có các thay đổi đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm tương ứng;

- (iii) thực hiện tách thửa, hợp thửa hoặc những thay đổi khác đối với Tài Sản Bảo Đảm là bất động sản mà kết quả của việc thay đổi này dẫn đến sự thay đổi của Tài Sản Bảo Đảm đó (diện tích thửa đất, các công trình trên đất...) hoặc Giấy Tờ Liên Quan Đến Tài Sản Bảo Đảm có liên quan,

với điều kiện (xx) Bên Bảo Đảm tiếp tục dùng tiếp tục dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau khi thực hiện các hành động được quy định tại điểm này để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Các Trái Phiếu với các điều khoản và điều kiện tương tự với quy định của Hợp Đồng này và các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan (với những thay đổi thích hợp cho phù hợp với bối cảnh); và (yy) Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu.

3. **Đề xuất thứ ba:** Về việc chia sẻ Tài Sản Bảo Đảm, cụ thể như sau:

- (a) **Chia sẻ Tài Sản Bảo Đảm:**

Ngoài Các Trái Phiếu, Các Trái Phiếu Khác, Khoản Vay Hiện Tại, Các Nghĩa Vụ Nợ Khác và Nghĩa Vụ Bên Thứ Ba Hiện Tại, một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm có thể được sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán đối với Techcombank với tư cách là bên bảo lãnh thanh toán cho các trái phiếu được Công Ty phát hành trong tương lai theo các văn kiện bảo lãnh có liên quan với điều kiện phải được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận ("**Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh**").

- (b) **Thứ tự ưu tiên thanh toán:**

Các Trái Phiếu, Các Trái Phiếu Khác, Khoản Vay Hiện Tại, Các Nghĩa Vụ Nợ Khác và Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh sẽ ngang bằng nhau về mọi khía cạnh. Để làm rõ, khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm Chia Sẻ theo bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào hoặc văn kiện có liên quan đến Các Trái Phiếu, Các Trái Phiếu Khác, Khoản Vay Hiện Tại, Các Nghĩa Vụ Nợ Khác và Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh nào, thứ tự ưu tiên thanh toán liên quan đến Các Trái Phiếu, Các Trái Phiếu Khác, Khoản Vay Hiện Tại, Các Nghĩa Vụ Nợ Khác và Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh là ngang nhau và sẽ được ưu tiên thanh toán trước so với Nghĩa Vụ Bên Thứ Ba Hiện Tại hoặc bất kỳ khoản nợ của chủ nợ hay bên có quyền nào khác đối với các Tài Sản Bảo Đảm Chia Sẻ đó (nếu có).

4. **Đề xuất thứ tư:** Về việc thay đổi một số nội dung được quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu như được quy định tại Phụ lục 3 đính kèm Công văn này nhằm phù hợp với nội dung đề xuất xin ý kiến tại mục 1 và mục 2 của Công văn xin ý kiến này và những thay đổi về các hồ sơ pháp lý liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm tính đến thời điểm hiện nay.

5. **Đề xuất thứ năm:** Trường hợp Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bất kỳ Bên Bảo Đảm nào sửa đổi, bổ sung, thay thế bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm cho Các Trái Phiếu nhưng do quy định của pháp luật trong từng thời kỳ, nếu Techcombank không được làm đại lý nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm cho Các Trái Phiếu thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc một tổ chức có đủ chức năng và năng lực phù hợp với quy định của pháp luật (do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định) làm tổ chức nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm đối với các Tài Sản Bảo Đảm đó theo các hợp đồng bảo đảm có liên quan tại từng thời điểm.

6. **Đề xuất thứ sáu:** Giao và ủy quyền cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm phối hợp với Tổ Chức Phát Hành/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các bên có liên quan để tiến hành các thủ tục cần thiết liên quan đến các nội dung sửa đổi như mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 5 nêu trên (bao gồm nhưng không giới hạn việc thống nhất các mẫu biểu, ký kết các phụ lục/thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn kiện Trái Phiếu và các văn bản khác có liên quan (nếu cần thiết)) phù hợp với các nội dung sửa đổi như được quy định tại mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 5 nêu trên và/hoặc tình trạng pháp lý của Tài Sản Bảo Đảm trong từng thời kỳ).

Chúng tôi xin cam kết:

- Hoàn thiện việc ký kết các phụ lục/thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Các Văn Kiện Trái Phiếu và các văn bản khác có liên quan khi có yêu cầu từ Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Việc điều chỉnh phạm vi thế chấp Tài Sản Bảo Đảm không làm ảnh hưởng đến Tổng Giá Trị Bảo Đảm và bảo đảm cam kết về Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu và các quy định liên quan đến chia sẻ Tài Sản Bảo Đảm và các quy định khác tại Các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan.
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật cho cơ quan Nhà nước (nếu pháp luật quy định).

Chúng tôi dự kiến sẽ bắt đầu thực hiện việc xin ý kiến của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các nội dung nêu trên từ tháng 10/2024 đến tháng 11/2024 hoặc một thời hạn khác tùy theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Đề nghị Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu của Các Trái Phiếu thực hiện lấy ý kiến của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu cho các nội dung nêu trên.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác của TCBS.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: DN.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Lâm An

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC TRÁI PHIẾU
(đính kèm Công văn số)

STT	Tên Trái Phiếu	Tổng mệnh giá phát hành (tỷ đồng)	Ngày Phát Hành	Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu	Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm	Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản	Hợp đồng thế chấp bất động sản	Hợp đồng thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai
1	BNC102025	1.300	19/10/2018	02/2018/BHA/BNC-TCBS	02/2018/HDQLTSBD/BNC-TCB	02/2018/HDTC/DSQTS/BNC-TCB	02/2018/HDTC/BDS/BNC-TCB	02/2018/HDTC/BDSTL/BNC-TCB
2	BNC122025	1.460	24/12/2018	03/2018/BHA/BNC-TCBS	03/2018/HDQLTSBD/BNC-TCB	03/2018/HDTC/DSQTS/BNC-TCB	03/2018/HDTC/BDS/BNC-TCB	03/2018/HDTC/BDSTL/BNC-TCB
3	BNC052026	600	29/05/2019	01/2019/BHA/BNC-TCBS	01/2019/HDQLTSBD/BNC-TCB	01/2019/HDTC/DSQTS/BNC-TCB	01/2019/HDTC/BDS/BNC-TCB	01/2019/HDTC/BDSTL/BNC-TCB
4	BNC062026	740	28/06/2019	02/2019/BHA/BNC-TCBS	02/2019/HDQLTSBD/BNC-TCB	02/2019/HDTC/DSQTS/BNC-TCB	02/2019/HDTC/BDS/BNC-TCB	02/2019/HDTC/BDSTL/BNC-TCB

PHỤ LỤC 2
TÀI SẢN BẢO ĐẢM
PHẦN A - TÀI SẢN BẢO ĐẢM BĐS DỰ ÁN BÀ NÀ THỂ CHÁP

STT	Tài Sản Bảo Đảm
1	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 434,2 m² (<i>bằng chữ: bốn trăm ba mươi tư phẩy hai mét vuông</i>) của thửa đất số 12; tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ Khách sạn Hoa Rừng Xanh, thuộc quần thể khu Du lịch Sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104125 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03564) Tài sản là bất động sản gắn liền với thửa đất trên đây với thông tin cụ thể như sau: - Tên Công trình: Nhà biệt thự - Diện tích xây dựng: 214,9 m² - Diện tích sử dụng: 429,8 m² - Số tầng: nhà 02 tầng - Kết cấu nhà: Tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch men
2	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 510,6 m² (<i>bằng chữ: năm trăm mười phẩy sáu mét vuông</i>) của thửa đất số 3; tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ Nhà Vọng Cảnh, thuộc quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104128 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03567) Tài sản là bất động sản gắn liền với thửa đất trên đây với thông tin cụ thể như sau: - Tên Công trình: Nhà biệt thự - Diện tích xây dựng: 183,7 m² - Diện tích sử dụng: 734,8 m² - Số tầng: nhà 04 tầng - Kết cấu nhà: Tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch men
3	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 600 m² (<i>bằng chữ: sáu trăm mét vuông</i>) của thửa đất số 13; tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ Lô số 14, Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104259 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03560)
4	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 204,7 m² (<i>bằng chữ: hai trăm linh tư phẩy bảy mét vuông</i>) của thửa đất số 11; tờ bản đồ số 65 tại Lô số 13, Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104258 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03559)

5	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 498,4 m² (bằng chữ: bốn trăm chín mươi tám phẩy bốn mét vuông) của thửa đất số 10; tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ Khách sạn Hoa Rừng Đỏ, thuộc Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104126 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03565) Tài sản là bất động sản gắn liền với thửa đất trên đây với thông tin cụ thể như sau: - Tên Công trình: Nhà biệt thự - Diện tích xây dựng: 242,7 m² - Diện tích sử dụng: 485,4 m² - Số tầng: nhà 02 tầng - Kết cấu nhà: Tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch men
6	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 1.280,8 m² (bằng chữ: một nghìn hai trăm tám mươi phẩy tám mét vuông) của thửa đất số 3; tờ bản đồ số 66 tại địa chỉ Biệt thự Hoàng Lan, thuộc Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104129 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03568) Tài sản là bất động sản gắn liền với thửa đất trên đây với thông tin cụ thể như sau: - Tên Công trình: Nhà biệt thự - Diện tích xây dựng: 360,6 m² - Diện tích sử dụng: 360,6 m² - Số tầng: nhà 01 tầng - Kết cấu nhà: Tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch men
7	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 3.482,3 m² (bằng chữ: ba nghìn bốn trăm tám mươi hai phẩy ba mét vuông) của thửa đất số 8; tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ Cụm đình trung tâm, thuộc Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104127 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03566) Tài sản là bất động sản gắn liền với thửa đất trên đây với thông tin cụ thể như sau: - Tên Công trình: Nhà biệt thự - Diện tích xây dựng: 715,7 m² - Diện tích sử dụng: 2.226,7 m² - Số tầng: nhà 03 tầng + 04 tầng - Kết cấu nhà: Tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch men
8	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 150 m² (bằng chữ: một trăm năm mươi mét vuông) của thửa đất số 33; tờ bản đồ số 65 tại khu du lịch Bà Nà, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 631341 do Ủy ban nhân dân thành

	phố Đà Nẵng cấp ngày 21/02/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 2561 QSDĐ), đứng tên Ông Nguyễn Văn Thái, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời theo hợp đồng được Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Đà Nẵng công chứng số 4294 ngày 03/04/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 03/04/2009 và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà theo hợp đồng được Văn phòng công chứng Trọng Tâm Thành phố Đà Nẵng công chứng số 947 ngày 09/04/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 20/04/2009.
9	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 600 m² (<i>bằng chữ: sáu trăm mét vuông</i>) của thửa đất số 35; tờ bản đồ số 65 tại khu du lịch Bà Nà, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 631340 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/02/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 2562 QSDĐ), đứng tên ông Nguyễn Văn Thái, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời theo hợp đồng được Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Đà Nẵng công chứng số 4294 ngày 03/04/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 03/04/2009 và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà theo hợp đồng được Văn phòng công chứng Trọng Tâm Thành phố Đà Nẵng công chứng số 947 ngày 09/04/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 20/04/2009.
10	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 207 m² (<i>bằng chữ: hai trăm linh bảy mét vuông</i>) của thửa đất số 16; tờ bản đồ số 66 tại khu du lịch Bà Nà, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652676 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3138 QSDĐ), đứng tên ông Nguyễn Văn Thái, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời theo hợp đồng được Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Đà Nẵng công chứng số 4294 ngày 03/04/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 03/04/2009 và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà theo hợp đồng được Văn phòng công chứng Trọng Tâm Thành phố Đà Nẵng công chứng số 947 ngày 09/04/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 20/04/2009.
11	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 412 m² (<i>bằng chữ: bốn trăm mười hai mét vuông</i>) của thửa đất số 19; tờ bản đồ số 66 tại khu du lịch Bà Nà, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652682 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3142 QSDĐ), đứng tên Ông Nguyễn Văn Thái, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời theo hợp đồng được Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Đà Nẵng công chứng số 4294 ngày 03/04/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 03/04/2009 và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà theo hợp đồng được Văn phòng công chứng Trọng Tâm Thành phố Đà Nẵng công chứng số 947 ngày 09/04/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 20/04/2009.

12	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 304 m ² (bằng chữ: ba trăm linh tư mét vuông) của thửa đất số 15; tờ bản đồ số 66 tại khu du lịch Bà Nà, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652677 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3139 QSDĐ), đứng tên Ông Nguyễn Văn Thái, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời theo hợp đồng được Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Đà Nẵng công chứng số 4294 ngày 03/04/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 03/04/2009 và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà theo hợp đồng được Văn phòng công chứng Trọng Tâm Thành phố Đà Nẵng công chứng số 947 ngày 09/04/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 20/04/2009.
13	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 204 m ² (bằng chữ: hai trăm linh tư mét vuông) của thửa đất số 18; tờ bản đồ số 66 tại khu du lịch Bà Nà, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652679 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3140 QSDĐ), đứng tên Ông Nguyễn Văn Thái, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời theo hợp đồng được Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Đà Nẵng công chứng số 4294 ngày 03/04/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 03/04/2009 và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà theo hợp đồng được Văn phòng công chứng Trọng Tâm Thành phố Đà Nẵng công chứng số 947 ngày 09/04/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 20/04/2009.
14	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 400 m ² (bằng chữ: bốn trăm mét vuông) của thửa đất số 34; tờ bản đồ số 65 tại khu du lịch Bà Nà, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 631339 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/02/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 2560 QSDĐ), đứng tên Ông Nguyễn Văn Thái, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời theo hợp đồng được Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Đà Nẵng công chứng số 4294 ngày 03/04/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 03/04/2009 và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà theo hợp đồng được Văn phòng công chứng Trọng Tâm Thành phố Đà Nẵng công chứng số 947 ngày 09/04/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 20/04/2009.
15	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 101 m ² (bằng chữ: một trăm linh một mét vuông) của thửa đất số 17; tờ bản đồ số 66 tại khu du lịch Bà Nà, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652681 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3141 QSDĐ), đứng tên Ông Nguyễn Văn Thái, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời theo hợp đồng được Văn phòng công chứng số 1 Thành phố Đà Nẵng công chứng số 4294 ngày 03/04/2009, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 03/04/2009 và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà theo hợp đồng được Văn

	phòng công chứng Trọng Tâm Thành phố Đà Nẵng công chứng số 947 ngày 09/04/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP Đà Nẵng xác nhận ngày 20/04/2009.																						
16	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 27.726 m ² (bằng chữ: hai mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi sáu mét vuông) của thửa đất số 2; tờ bản đồ số 64 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445761 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19254)																						
17	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 18.400 m ² (bằng chữ: mười tám nghìn bốn trăm mét vuông) của thửa đất số 1; tờ bản đồ số 65 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445762 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19255)																						
18	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 9.801 m ² (bằng chữ: chín nghìn tám trăm linh một mét vuông) của thửa đất số 6; tờ bản đồ số 65 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445763 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19256)																						
19	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 16.100 m ² (bằng chữ: mười sáu nghìn một trăm mét vuông) của thửa đất số 14; tờ bản đồ số 65 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445764 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19257)																						
20	Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 27.973 m ² (bằng chữ: hai mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi ba mét vuông) của thửa đất số 5; tờ bản đồ số 66 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445765 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19258)																						
21	Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 48 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 5.290,4 m² (bằng chữ: năm nghìn hai trăm chín mươi phẩy bốn mét vuông), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189350 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15889) với thông tin cụ thể như sau: - Tên công trình: Nhà ga và tuyến cáp treo Bà Nà – Suối Mơ <table border="1"> <thead> <tr> <th>Hạng mục công trình</th><th>Diện tích xây dựng (m²)</th><th>Diện tích sàn hoặc công suất</th><th>Kết cấu chủ yếu</th><th>Cấp công trình</th><th>Số tầng</th><th>Năm hoàn thành xây dựng</th><th>Thời hạn sở hữu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>							Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu								
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu																

	Nhà ga số 1	1.864,1	3.505,6	Tường xây, mái đúc, nền gạch men+bê tông	Cấp 3	2	2009	-/-
--	-------------	---------	---------	--	-------	---	------	-----

22

Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 65 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 13.691,8 m2 (*bằng chữ: mười ba nghìn sáu trăm chín mươi một phẩy tám mét vuông*), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189351 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15890) với thông tin cụ thể như sau:

- Tên công trình: Nhà ga và tuyến cáp treo Bà Nà – Suối Mơ

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà ga số 2	717	1.434	Tường xây, mái đúc, nền gạch men+bê tông	Cấp 3	2	2009	-/-
Nhà kỹ thuật	149,2	149,2	Tường xây, mái đúc, nền gạch men	Cấp 4	1	2009	-/-

- Công trình xây dựng khác:

✓ Tên công trình: Nhà ga tuyến cáp treo Bà Nà – Suối Mơ

✓ Hạng mục công trình:

Nhà ga đi cáp kéo

○ Diện tích xây dựng: 204,0 m2

○ Diện tích sàn (hoặc công suất): 204 m2

○ Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng

○ Cấp công trình: Cấp 3

○ Thời hạn sở hữu: -/-

Nhà phụ trợ

○ Diện tích xây dựng: 765,7 m2

○ Diện tích sàn (hoặc công suất): 1222,3 m2

○ Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng

○ Cấp công trình: Cấp 3

○ Thời hạn sở hữu: -/-

23

Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 66 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 8.081,9 m2 (*bằng chữ: tám nghìn không trăm tám mươi một phẩy chín mét vuông*), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189352 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15891) với thông tin cụ thể như sau:

Tên công trình: Tuyến cáp treo số 2 dự án Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà – Suối Mơ

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà ga số 3	801,4	1.261,2	Tường xây, mái đúc, nền gạch men+bê tông	Cấp 3	1 tầng + tầng hầm	2010	-/-

24

Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 65 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 1.767,9 m2 (*bằng chữ: một nghìn bảy trăm sáu mươi bảy phẩy chín mét vuông*), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189353 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15892) với thông tin cụ thể như sau:

Tên công trình: Tuyến cáp treo số 2 dự án Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà – Suối Mơ

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà ga số 4	703,8	2682	Tường xây, mái đúc, nền gạch men + bê tông	Cấp 3	Bốn	2010	-/-

25

Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 65 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 22.416,3 m2 (*bằng chữ: hai mươi hai nghìn bốn trăm mười sáu phẩy ba mét vuông*), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189354 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15893) với thông tin cụ thể như sau:

Tên công trình: Khu vui chơi giải trí gia đình Bà Nà Hills

	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
	Khu FEC và CLUB	10.648,5	28.277,2	Tường xây, mái đúc, nền gỗ + gạch men+ bê tông	Cấp đặc biệt	04 tầng + 3 tầng hầm	2011	-/-

26

Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 48 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 7.835,3 m2 (*bằng chữ: bảy nghìn tám trăm ba mươi lăm phẩy ba mét vuông*), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678654 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/09/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT18650) với thông tin cụ thể như sau:

Tên công trình	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn (hoặc công suất) (m2)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu	Theo hồ sơ số
Nhà ga 5	Nhà Ga	1.913,5	3.029,4	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-	19/2015/CG
Nhà ga 5	Trụ cấp số 1	30,9	30,9	Sở hữu riêng	Cấp 1	-/-	250/2015/CG

27

Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 65 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 3.588,9 m2 (*bằng chữ: ba nghìn năm trăm tám mươi tám phẩy chín mét vuông*), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678655 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/09/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT18651) với thông tin cụ thể như sau:

- Tên công trình: Nhà Ga 6

- Hạng mục công trình:

✓ Nhà Ga

• Diện tích xây dựng: 863,6 m2

• Diện tích sàn (hoặc công suất): 1.704,2 m2

• Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng

• Cấp công trình: Cấp 3

	• Thời hạn sở hữu: -/- ✓ <u>Trụ cấp</u> • Diện tích xây dựng: 99,0 m² • Diện tích sàn (hoặc công suất): 99,0 m² • Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng • Cấp công trình: Cấp 1 • Thời hạn sở hữu: -/-
28	Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 65, địa chỉ tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 29.999,8 m² (bằng chữ: hai mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín phẩy tám mét vuông), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678656 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/09/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT18652) với thông tin cụ thể như sau: - Tên Công trình: Khu Làng Pháp - Hạng mục công trình: ✓ <u>Tòa nhà số 1 (B1)</u> • Diện tích xây dựng: 1.802,1 m² • Diện tích sàn (hoặc công suất): 7.504,6 m² • Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng • Cấp công trình: Cấp 3 • Thời hạn sở hữu: -/- ✓ <u>Tòa nhà số 10 (B10)</u> • Diện tích xây dựng: 893,2 m² • Diện tích sàn (hoặc công suất): 2.198,0 m² • Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng • Cấp công trình: Cấp 3 • Thời hạn sở hữu: -/- ✓ <u>Tòa nhà số 1 (B9)</u> • Diện tích xây dựng: 712,6 m² • Diện tích sàn (hoặc công suất): 1.894,9 m² • Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng • Cấp công trình: Cấp 3 • Thời hạn sở hữu: -/- ✓ <u>Tòa nhà B2 (Nhà thực phẩm và đồ uống)</u> • Diện tích xây dựng: 438,6 m² • Diện tích sàn (hoặc công suất): 873,6 m²

	• Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng • Cấp công trình: Cấp 3 • Thời hạn sở hữu: -/- ✓ <u>Tòa nhà B3 (Nhà vui chơi)</u> • Diện tích xây dựng: 366,7 m² • Diện tích sàn (hoặc công suất): 730,0 m² • Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng • Cấp công trình: Cấp 3 • Thời hạn sở hữu: -/- ✓ <u>Tòa nhà B4 (Nhà kỹ thuật)</u> • Diện tích xây dựng: 524,1 m² • Diện tích sàn (hoặc công suất): 1.075,2 m² • Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng • Cấp công trình: Cấp 3 • Thời hạn sở hữu: -/- ✓ <u>Tòa nhà B8 (Nhà bảo tàng)</u> • Diện tích xây dựng: 311,7 m² • Diện tích sàn (hoặc công suất): 582,8 m² • Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng • Cấp công trình: Cấp 3 • Thời hạn sở hữu: -/-
29	Toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 của tờ bản đồ số 69 và thửa đất số 3, 4, 5 của tờ bản đồ số 48 tại Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ, Xã Hòa Ninh, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, có diện tích 586,5 m² (<i>bằng chữ: năm trăm tám mươi sáu phẩy năm mét vuông</i>), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678657 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/09/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT18653) với thông tin cụ thể như sau: - Tên công trình: Trụ tuyến cấp 3 - Hạng mục công trình: 19 trụ cáp (từ trụ số 4 đến trụ số 22) - Diện tích xây dựng: 586,5 m² - Diện tích sử dụng: 586,5 m² - Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng - Cấp công trình: Cấp 1 - Thời hạn sở hữu: -/-

PHẦN B - TÀI SẢN BẢO ĐẢM BĐSHTTTL DỰ ÁN BÀ NÀ THỂ CHẤP

STT	BẤT ĐỘNG SẢN HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI (kể cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc, kết cấu, hạ tầng và hạng mục (không bao gồm quyền sử dụng đất))
1.	Các công trình xây dựng hình thành trong tương lai theo Giấy phép xây dựng số 1096/GPXD do Sở Xây dựng – UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/06/2016 và Phụ lục 1 ngày 15/07/2022 điều chỉnh Giấy phép xây dựng số 1096/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/06/2016, với thông tin được ghi nhận tại giấy phép như sau: (a) Tổng số công trình: (i) Công – Tường thành 4 tầng DTXD 4.152 m² và hệ thống cảnh quan; (ii) Khách sạn M-Gallery 6 tầng DTXD 2.600 m² quy mô 132 phòng; (iii) Hạng mục cảnh quan xung quanh công trình Khách sạn M-Gallery: - Gia cố bảo vệ mái taly, chống sạt lở công trình Khách sạn M-Gallery; neo gia cố, kết nối bằng hệ thống khung dầm BTCT, phủ mái bằng lưới kết hợp vữa xi măng tạo cảnh núi. - Đường đi bộ xung quanh công trình Khách sạn M-Gallery; kết cấu BTCT, bề rộng từ 3,3 m đến 7,7m bám theo địa hình hiện trạng phục vụ đi bộ. - Mô hình núi lửa, kèm các hiệu ứng đèn ánh sáng (bao gồm hệ kết cấu khung, sàn BTCT tạo hình núi lửa, phòng kỹ thuật phục vụ hệ thống tạo hiệu ứng về âm thanh, ánh sáng và phun nước phụ trợ cảnh quan). (iv) Khách sạn căn hộ Sun home Bà Nà 7 tầng DTXD 3.506 m² quy mô 262 phòng và 26 căn hộ khách sạn; (v) 03 nhà ga số 9 số 10-11 và số 12, tổng DTXD 5.566 m²; (vi) 02 tuyến cáp số 4 và số 5, tổng DTXD móng trụ 1.535 m²; (vii) Khu Nhà điều hành 2 tầng DTXD 970 m². (b) DT khu đất: 10.378.514 m²; DTXD: 18.329 m²; Tổng DT sàn: 65.791 m² (c) Vị trí xây dựng công trình: Theo Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND và Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 26/03/2016 của UBND thành phố.
2.	Các công trình xây dựng hình thành trong tương lai theo Giấy phép xây dựng số 31/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2021, với thông tin được ghi nhận tại giấy phép như sau: (a) Quy mô công trình gồm các hạng mục (theo thông báo thẩm định TKBVTC công trình): (i) San nền: San lấp mặt bằng theo cao độ khống chế đường giao thông, thoát nước; (ii) Giao thông: các tuyến đường có tổng chiều dài 6.020m; (iii) Thoát nước mưa: các tuyến cống có tổng chiều dài 4.010m (trong đó 14 cống qua đường); (iv) Thoát nước thải: các tuyến cống có tổng chiều dài 10.182m, 26 trạm bơm nước thải (công suất 711,34m³/h), nâng cấp 01 trạm xử lý nước thải (công suất 850m³/h), xây dựng mới 03 trạm xử lý nước thải (công suất 2.750m³/h);

	(v) Cấp nước: các tuyến ống có tổng chiều dài 18.457m; (vi) Cấp điện: 35 trạm biến áp, đường dây trung thế 22kV đi ngầm dài 9.660m (b) Vị trí xây dựng: Xã Hòa Ninh – xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
--	--

PHẦN C - TÀI SẢN BẢO ĐẢM ĐSQTS DỰ ÁN BÀ NÀ THỂ CHẤP

Tài Sản Bảo Đảm ĐSQTS Dự Án Bà Nà Thể Chấp là các tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên Bảo Đảm bao gồm:

- (a) Tất cả các quyền tài sản mà Bên Bảo Đảm có được từ Dự Án Bà Nà Thể Chấp (trừ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất), bao gồm nhưng không giới hạn quyền tài sản hợp pháp phát sinh từ các Chấp Thuận Dự Án Thể Chấp, quyền phát triển, quyền thực hiện đầu tư, xây dựng, khai thác, vận hành, kinh doanh Dự Án Bà Nà Thể Chấp (kể cả các quyền tài sản phát sinh trong hiện tại hoặc tương lai);
- (b) Tất cả các nguồn thu, quyền nhận các nguồn thu, các khoản thu nhập, các khoản ký quỹ, ký cược, các khoản tiền lãi, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền bồi hoàn và giá trị tăng thêm từ việc khai thác, sử dụng phát sinh từ hoặc liên quan đến Dự Án Bà Nà Thể Chấp (dù được phát sinh trong hiện tại hoặc tương lai), bao gồm nhưng không giới hạn:
 - (i) tất cả lợi tức và nguồn thu được phát sinh từ hoặc liên quan đến các Hợp Đồng Được Thể Chấp và tiền thanh toán, bồi hoàn, tiền phạt, tiền lãi phát sinh, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản tiền khác mà Bên Bảo Đảm nhận được phát sinh từ hoặc liên quan đến các Hợp Đồng Được Thể Chấp đó; và/hoặc
 - (ii) tiền thu được và quyền nhận khoản tiền thu được từ việc cung cấp các dịch vụ khác liên quan.
- (c) Toàn bộ Máy Móc Thiết Bị;
- (d) Tài Khoản Thương Mại và số dư có trên Tài Khoản Thương Mại, các hợp đồng tiền gửi và số tiền theo các hợp đồng tiền gửi được Bên Bảo Đảm tạo lập từ một phần hoặc toàn bộ số dư có trong Tài Khoản Thương Mại;
- (e) Toàn bộ quyền lợi và lợi ích mà Bên Bảo Đảm có, được hưởng (bao gồm cả quyền lợi và lợi ích mà Bên Bảo Đảm đang sở hữu và/hoặc sẽ sở hữu trong tương lai) theo và/hoặc phát sinh từ và/hoặc liên quan đến các quyền tài sản nêu tại đoạn (a) và đoạn (b) trên đây, ngoài trừ các quyền lợi hoặc lợi ích không được coi là quyền tài sản theo quy định của pháp luật; và
- (f) Tất cả quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà Bên Bảo Đảm nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến, và mọi tài sản thuộc mọi tính chất, chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hay thay thế cho, bất kỳ quyền và tài sản nào được đề cập trong các đoạn từ (a) đến (e) trên đây.

Trong đó:

“Dự Án Bà Nà Thể Chấp” có nghĩa là toàn bộ các hạng mục công trình thuộc Dự Án Bà Nà, ngoại trừ (i) Dự Án Lâu Đài; (ii) Các Tuyến Cáp Tương Lai; và (iii) Khu Biệt Thự Golf.

“Dự Án Bà Nà” có nghĩa là dự án đầu tư Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà – Suối Mơ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 09/10/2023, mã số dự án: 0216320067 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh tại từng thời điểm.

“Dự Án Lâu Đài” có nghĩa là các hạng mục công trình (i) Lâu Đài Bà Nà và (ii) Các Công Trình Phụ Trợ Liên Quan Đến Lâu Đài.

“Các Tuyến Cáp Tương Lai” có nghĩa là Tuyến Cáp Số 6, Tuyến Cáp Số 8 và các tuyến cáp bắt đầu khởi công và xây dựng sau ngày 31/07/2018 và các công trình phụ trợ đi kèm theo các hồ sơ pháp lý có liên quan đến các tuyến cáp đó.

“Các Công Trình Phụ Trợ Liên Quan Đến Lâu Đài” có nghĩa gồm các hạng mục công trình thuộc Dự Án Bà Nà sau: (i) Tuyến cáp kéo số 2; (ii) Vườn Thiên Thai; (iii) Quảng trường giảng sinh; và (iv) Nhà hàng thức ăn nhanh và Nhà ga, hệ thống máng trượt 02.

“Chấp Thuận Dự Án Thế Chấp” có nghĩa là mọi chấp thuận, cho phép, đăng ký, chứng nhận, giấy phép và thông báo thuộc bất kỳ loại nào do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên Bảo Đảm nhằm cho phép Bên Bảo Đảm đầu tư, xây dựng, khai thác, vận hành, duy trì và quản lý Dự Án Bà Nà Thế Chấp. Danh mục Chấp Thuận Dự Án Thế Chấp quan trọng được liệt kê tại Phần A - Phụ lục 4 của Công văn xin ý kiến này.

“Khu Biệt Thự Golf” có nghĩa là các khu biệt thự golf (đất và các công trình hình thành trên đất) được Tổ Chức Phát Hành xây dựng trên các lô đất quy hoạch theo Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ - Khu du lịch sinh thái Suối Mơ ở chân núi Bà Nà (điều chỉnh lần thứ 10). Để làm rõ, Khu Biệt Thự Golf chỉ được sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành và hoặc bên thứ ba tại Techcombank.

“Máy Móc Thiết Bị” có nghĩa là (i) các hoặc các nhóm máy móc, thiết bị, trang thiết bị, đồ đạc, phương tiện vận tải và các động sản được mô tả tại Phần C - Phụ lục 4 của Công văn xin ý kiến này và (ii) các hoặc các nhóm máy móc, thiết bị, trang thiết bị, đồ đạc, phương tiện vận tải và các động sản khác có giá trị từ 10 (mười) tỷ Đồng trở lên mà Bên Bảo Đảm hiện đang hoặc sẽ sở hữu liên quan tới Dự Án Bà Nà Thế Chấp và tất cả các quyền, quyền lợi và lợi ích của Bên Bảo Đảm liên quan đến việc bảo hành, bảo trì theo các hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị, trang thiết bị, đồ đạc, phương tiện vận tải và các động sản khác đó.

“Tuyến Cáp Số 6” có nghĩa là tuyến cáp số 6 thuộc Dự Án Bà Nà được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 2351/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2017.

“Tuyến Cáp Số 8” có nghĩa là tuyến cáp số 8 thuộc Dự Án Bà Nà được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 7/GPXD ngày 03/03/2022 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng.

“Lâu Đài Bà Nà” có nghĩa là hạng mục lâu đài thuộc Dự Án Bà Nà được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 1453/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/06/2018.

PHỤ LỤC 3 - CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI VĂN KIẾN TRÁI PHIẾU

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi
I	Các Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu		
1	Sửa đổi định nghĩa “ Nghĩa Vụ Nợ ” được quy định tại Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS	“Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa là (các) nghĩa vụ thanh toán theo (i) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 24/7/2018 với tổng mệnh giá 1.900 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 24/7/2018 (“Trái Phiếu 1.900”) và (ii) các khoản vốn không phải là Trái Phiếu hay Trái Phiếu 1.900 được Tổ Chức Phát Hành huy động vào hoặc sau Ngày Phát Hành để (A) tài trợ cho Dự Án Bà Nà và/hoặc (B) tài trợ cho các mục đích khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) dưới hình thức vay vốn của các ngân hàng thương mại và/hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và/hoặc các hình thức khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) được bảo đảm bằng một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm với điều kiện là Điều Khoản 6.6 luôn được tuân thủ	“Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa gồm có (i) Các Trái Phiếu Khác; và (ii) Khoản Vay Hiện Tại; và/hoặc (iii) Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh; và/hoặc (iv) Các Nghĩa Vụ Nợ Khác
2	Sửa đổi định nghĩa “ Nghĩa Vụ Nợ ” được quy định tại Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số	“Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa là (các) nghĩa vụ thanh toán theo (i) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 24/7/2018 với tổng mệnh giá 1.900 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 24/7/2018 (“Trái Phiếu 1.900”), (ii) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 19/10/2018 với tổng mệnh giá 1.300 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 18/10/2018 (“Trái Phiếu 1.300”) và (iii) các khoản vốn không phải là Trái Phiếu hay Trái Phiếu 1.900 hay Trái Phiếu 1.300 được Tổ Chức Phát	“Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa gồm có (i) Các Trái Phiếu Khác; và (ii) Khoản Vay Hiện Tại; và/hoặc (iii) Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh; và/hoặc (iv) Các Nghĩa Vụ Nợ Khác

	03/2018/BHA/B NC-TCBS	Hành huy động vào hoặc sau Ngày Phát Hành để (A) tài trợ cho Dự Án Bà Nà và/hoặc (B) tài trợ cho các mục đích khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) dưới hình thức vay vốn của các ngân hàng thương mại và/hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và/hoặc các hình thức khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) được bảo đảm bằng một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm với điều kiện là Điều Kiện 6.6 luôn được tuân thủ	
3	Sửa đổi định nghĩa “ Nghĩa Vụ Nợ ” được quy định tại Điều Kiện 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 01/2019/BHA/B NC-TCBS	Hành huy động vào hoặc sau Ngày Phát Hành để (A) tài trợ cho Dự Án Bà Nà và/hoặc (B) tài trợ cho các mục đích khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) dưới hình thức vay vốn của các ngân hàng thương mại và/hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và/hoặc các hình thức khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) được bảo đảm bằng một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm với điều kiện là Điều Kiện 6.6 luôn được tuân thủ “Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa là (các) nghĩa vụ thanh toán theo (i) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 24/7/2018 với tổng mệnh giá 1.900 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 24/7/2018 (“Trái Phiếu 1.900”), (ii) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 19/10/2018 với tổng mệnh giá 1.300 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 18/10/2018 (“Trái Phiếu 1.300”), (iii) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 24/12/2018 với tổng mệnh giá 1.460 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 18/12/2018 (“Trái Phiếu 1.460”) và (iv) các khoản vốn không phải là Trái Phiếu hay Trái Phiếu 1.900, Trái Phiếu 1.300 và Trái Phiếu 1.460 được Tổ Chức Phát Hành huy động từ Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và/hoặc các tổ chức tín dụng khác vào hoặc sau Ngày Phát Hành để (A) tài trợ cho Dự Án Bà Nà và/hoặc (B) tài trợ cho các mục đích khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) dưới hình thức vay vốn của các ngân hàng thương mại và/hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và/hoặc các hình thức khác	“ Nghĩa Vụ Nợ ” có nghĩa gồm có (i) Các Trái Phiếu Khác; và (ii) Khoản Vay Hiện Tại; và/hoặc (iii) Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh; và/hoặc (iv) Các Nghĩa Vụ Nợ Khác

		(nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) được bảo đảm bằng một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm với điều kiện là Điều Kiện 6.6 luôn được tuân thủ	
4	Sửa đổi định nghĩa “ Nghĩa Vụ Nợ ” được quy định tại Điều Kiện 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2019/BHA/B NC-TCBS	“Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa là (các) nghĩa vụ thanh toán theo (i) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 24/7/2018 với tổng mệnh giá 1.900 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 24/7/2018 (“Trái Phiếu 1.900”), (ii) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 19/10/2018 với tổng mệnh giá 1.300 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 18/10/2018 (“Trái Phiếu 1.300”), (iii) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 24/12/2018 với tổng mệnh giá 1.460 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 18/12/2018 (“Trái Phiếu 1.460”) và (iv) các trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành phát hành ngày 29/05/2019 với tổng mệnh giá 600 tỷ đồng theo bản công bố thông tin ngày 15/05/2019 (“Trái Phiếu 600”) và các khoản vốn không phải là Trái Phiếu hay Trái Phiếu 1.900, Trái Phiếu 1.300, Trái Phiếu 1.460 và Trái Phiếu 600 được Tổ Chức Phát Hành huy động từ Ngân Hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và/hoặc các tổ chức tín dụng khác vào hoặc sau Ngày Phát Hành để (A) tài trợ cho Dự Án Bà Nà và/hoặc (B) tài trợ cho các mục đích khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) dưới hình thức vay vốn của các ngân hàng thương mại và/hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và/hoặc các hình thức khác (nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) được bảo đảm bằng một phần hoặc toàn bộ Tài Sản	“Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa gồm có (i) Các Trái Phiếu Khác; và (ii) Khoản Vay Hiện Tại; và/hoặc (iii) Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh; và/hoặc (iv) Các Nghĩa Vụ Nợ Khác

5	Bổ sung thêm định nghĩa “ Các Trái Phiếu Khác ” vào Điều 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS	Bảo Đảm với điều kiện là Điều 6.6 luôn được tuân thủ	Không quy định	“ Các Trái Phiếu Khác ” có nghĩa gồm có Trái Phiếu BNC122025, Trái Phiếu BNCC052026, Trái Phiếu BNCC062026, Trái Phiếu BNCCCB2126001, Trái Phiếu BNCCCB2126002, Trái Phiếu BNCCCB2328001, Trái Phiếu BNCCCB2328002 và Trái Phiếu BNCCCB2328003
6	Bổ sung thêm định nghĩa “ Các Trái Phiếu Khác ” vào Điều 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 03/2018/BHA/B NC-TCBS		Không quy định	“ Các Trái Phiếu Khác ” có nghĩa gồm có Trái Phiếu BNC102025, Trái Phiếu BNCC052026, Trái Phiếu BNCC062026, Trái Phiếu BNCCCB2126001, Trái Phiếu BNCCCB2126002, Trái Phiếu BNCCCB2328001, Trái Phiếu BNCCCB2328002 và Trái Phiếu BNCCCB2328003
7	Bổ sung thêm định nghĩa “ Các Trái Phiếu Khác ” vào Điều 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số		Không quy định	“ Các Trái Phiếu Khác ” có nghĩa gồm có Trái Phiếu BNC102025, Trái Phiếu BNCC122025, Trái Phiếu BNCC062026, Trái Phiếu BNCCCB2126001, Trái Phiếu BNCCCB2126002, Trái Phiếu BNCCCB2328001, Trái Phiếu BNCCCB2328002 và Trái Phiếu BNCCCB2328003

01/2019/BHA/B NC-TCBS			
8	Bổ sung thêm định nghĩa “ Các Trái Phiếu Khác ” vào Điều Kiện 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2019/BHA/B NC-TCBS	Không quy định	“ Các Trái Phiếu Khác ” có nghĩa là các trái phiếu BNC102025, Trái Phiếu BNC122025, Trái Phiếu BNC052026, Trái Phiếu BNCCB2126001, Trái Phiếu BNCCB2126002, Trái Phiếu BNCCB2328001, Trái Phiếu BNCCB2328002 và Trái Phiếu BNCCB2328003
9	Bổ sung thêm định nghĩa “ Trái Phiếu BNC102025 ” vào Điều Kiện 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 03/2018/BHA/B NC-TCBS; số 01/2019/BHA/B NC-TCBS; số 02/2019/BHA/B NC-TCBS	Không quy định	“ Trái Phiếu BNC102025 ” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, đáo hạn năm 2025 với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 1.300.000.000.000 VND (<i>một nghìn ba trăm tỷ Đồng</i>) theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết số 137/2018/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 12 tháng 10 năm 2018
10	Bổ sung thêm định nghĩa “ Trái Phiếu ”	Không quy định	“ Trái Phiếu BNC122025 ” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất

	BNC122025” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS; số 01/2019/BHA/B NC-TCBS; số 02/2019/BHA/B NC-TCBS		cổ định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, đáo hạn năm 2025 với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 1.460.000.000.000 VND (một nghìn bốn trăm sáu mươi tỷ Đồng) theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết số 138/2018/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 17 tháng 12 năm 2018
11	Bổ sung thêm định nghĩa “ Trái Phiếu BNC052026” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS; 03/2018/BHA/B NC-TCBS; số 02/2019/BHA/B NC-TCBS	Không quy định	“ Trái Phiếu BNC052026” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, đáo hạn năm 2026 với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 600.000.000.000 VND (sáu trăm tỷ Đồng) theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 10 tháng 05 năm 2019
12	Bổ sung thêm định nghĩa “ Trái Phiếu	Không quy định	“ Trái Phiếu BNC062026” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất

	BNC062026” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS; 03/2018/BHA/B NC-TCBS; số 01/2019/BHA/B NC-TCBS		cổ định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, đáo hạn năm 2026 với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 740.000.000.000 VND (<i>bảy trăm bốn mươi tỷ Đồng</i>) theo phương án phát hành trái phiếu định kèm Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 11 tháng 06 năm 2019
13	Bổ sung thêm định nghĩa “Trái Phiếu BNCCB2126001” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS; 03/2018/BHA/B NC-TCBS; số 01/2019/BHA/B NC-TCBS	Không quy định	“Trái Phiếu BNCCB2126001” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, có kỳ hạn 05 (<i>năm</i>) năm với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 1.500.000.000.000 VND (<i>một nghìn năm trăm năm mươi tỷ Đồng</i>) theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 21 tháng 08 năm 2021 và Bản công bố thông tin ngày 25 tháng 08 năm 2021 của Tổ Chức Phát Hành

14	Bổ sung thêm định nghĩa “ Trái Phiếu BNCCB2126002 ” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS; 03/2018/BHA/B NC-TCBS; số 01/2019/BHA/B NC-TCBS; số 02/2019/BHA/B NC-TCBS	Không quy định	“Trái Phiếu BNCCB2126002” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, có kỳ hạn 05 (năm) năm với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 1.500.000.000.000 VND (một nghìn năm trăm năm mươi tỷ Đồng) theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 21 tháng 08 năm 2021 và Bản công bố thông tin ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tổ Chức Phát Hành
15	Bổ sung thêm định nghĩa “ Trái Phiếu BNCCB2328001 ” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS; 03/2018/BHA/B NC-TCBS; số 01/2019/BHA/B	Không quy định	“Trái Phiếu BNCCB2328001” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, có kỳ hạn 05 (năm) năm với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng) theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 31 tháng 08 năm 2023 và Bản công bố thông tin ngày 13 tháng 09 năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành

	NC-TCBS; số 02/2019/BHA/B NC-TCBS		
16	Bổ sung thêm định nghĩa “ Trái Phiếu BNCCB2328002 ” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B NC-TCBS; 03/2018/BHA/B NC-TCBS; số 01/2019/BHA/B NC-TCBS; số 02/2019/BHA/B NC-TCBS	Không quy định	“Trái Phiếu BNCCB2328002” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, có kỳ hạn 05 (năm) năm với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 31 tháng 08 năm 2023 và Bản công bố thông tin ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành
17	Bổ sung thêm định nghĩa “ Trái Phiếu BNCCB2328003 ” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2018/BHA/B	Không quy định	“Trái Phiếu BNCCB2328003” có nghĩa là các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, có kỳ hạn 05 (năm) năm với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tối đa là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) theo phương án phát hành trái phiếu đính kèm Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐQT/BNC đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt ngày 25 tháng 12 năm 2023

	NC-TCBS; 03/2018/BHA/B NC-TCBS; số 01/2019/BHA/B NC-TCBS; số 02/2019/BHA/B NC-TCBS		và Bản công bố thông tin ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành
18	Bổ sung thêm định nghĩa “ Khoản Vay Hiện Tại ” vào Điều Khoản 6.7 – Phụ lục I của Các Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu	Không quy định	“ Khoản Vay Hiện Tại ” có nghĩa là các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến các khoản vay của Tổ Chức Phát Hành tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số MMD201912553111/HDTD và các phụ lục đính kèm
19	Bổ sung thêm định nghĩa “ Các Nghĩa Vụ Nợ Khác ” vào Điều Kiện 6.7 – Phụ lục I của Các Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu	Không quy định	“ Các Nghĩa Vụ Nợ Khác ” các nghĩa vụ thanh toán theo các khoản tín dụng (mà không phải là Các Trái Phiếu Khác, Khoản Vay Hiện Tại và Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh) được Tổ Chức Phát Hành huy động để (A) tài trợ cho Dự Án Bà Nà và/hoặc (B) tài trợ cho các mục đích khác dưới hình thức vay vốn của các ngân hàng thương mại và/hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và/hoặc các hình thức khác nếu được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận
13	Bổ sung thêm định nghĩa “ Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh ” vào Điều	Không quy định	“ Nghĩa Vụ Đối Với Bên Bảo Lãnh ” có nghĩa là nghĩa vụ thanh toán đối với Techcombank với tư cách là bên bảo lãnh thanh toán cho các trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành phát hành trong tương lai theo các văn kiện bảo lãnh có liên quan với điều kiện phải được Tổ Chức Nhận Tài

	Kiểm 6.7 – Phụ lục I của Các Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu		Sản Bảo Đảm hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận
14	Sửa đổi Điều Kiện 6.3 – Phụ lục I của Các Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu	Tổ Chức Phát Hành và Các Bên Bảo Đảm phải đảm bảo rằng kể từ ngày hoàn tất các thủ tục liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều Kiện 6.8 cho tới khi còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào, Tổng Giá Trị Bảo Đảm (như được định nghĩa tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm) tại mọi thời điểm sẽ không nhỏ hơn giá trị được xác định theo công thức sau: tổng của (i) <u>tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành</u> và (ii) <u>tổng dư nợ gốc của tất cả Nghĩa Vụ Nợ (không bao gồm giá trị dư nợ gốc của Nghĩa Vụ Nợ đã được bảo đảm bằng tài sản khác mà không phải là Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc giá trị dư nợ gốc của Nghĩa Vụ Nợ có chung một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm tuy nhiên Nghĩa Vụ Nợ này không ngang bằng và được ưu tiên thanh toán sau so với các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm liên quan đến Trái Phiếu theo các văn kiện Nghĩa Vụ Nợ có liên quan) (“Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu”)</u> và việc bổ sung hoặc thay thế Tài Sản Bảo Đảm sẽ theo quy định tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm	Tổ Chức Phát Hành và Các Bên Bảo Đảm phải đảm bảo rằng kể từ ngày hoàn tất các thủ tục liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều Kiện 6.8 cho tới khi còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào, Tổng Giá Trị Bảo Đảm (như được định nghĩa tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm) tại mọi thời điểm sẽ không nhỏ hơn giá trị được xác định theo công thức sau: tổng của (i) <u>tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành</u> và (ii) <u>tổng dư nợ gốc của tất cả Nghĩa Vụ Nợ (không bao gồm giá trị dư nợ gốc của Nghĩa Vụ Nợ đã được bảo đảm bằng tài sản khác mà không phải là Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc giá trị dư nợ gốc của Nghĩa Vụ Nợ có chung một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm tuy nhiên Nghĩa Vụ Nợ này không ngang bằng và được ưu tiên thanh toán sau so với các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm liên quan đến Trái Phiếu theo các văn kiện Nghĩa Vụ Nợ có liên quan) (“Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu”)</u> và việc bổ sung hoặc thay thế Tài Sản Bảo Đảm sẽ theo quy định tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm
II	Các Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm		
1	Sửa đổi Điều 4.1(a) của Các Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm	Theo quy định chi tiết tại Điều 4.1(a) của Các Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan	(a) Tổng giá trị bảo đảm (“ Tổng Giá Trị Bảo Đảm ”), được xác định vào bất kỳ ngày định giá/đánh giá lại nào dự kiến trong Hợp Đồng này, là tổng giá trị bảo đảm của các Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và được tính theo công thức sau:

			$TV = P_{BDS} + P_{DS} + S + C + OA$ Trong đó: TV là Tổng Giá Trị Bảo Đảm vào ngày định giá/đánh giá lại có liên quan; P_{BDS} là Giá Trị Bảo Đảm Bất Động Sản vào ngày định giá/đánh giá lại của Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản, được xác định bằng tổng giá trị định giá của (i) Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản Dự Án Bà Nà và (ii) Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai Dự Án Bà Nà nhân với 65% (<u>hoặc một tỷ lệ khác được Tổ Chức Nhân Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận</u>); P_{DS} là Giá Trị Bảo Đảm Động Sản Dự Án Bà Nà/Giá Trị Bảo Đảm Động Sản Và Quyền Tài Sản vào ngày định giá/đánh giá lại Tài Sản Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản Dự Án Bà Nà đó, được xác định bằng giá trị định giá của Tài Sản Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản Dự Án Bà Nà nhân với 65% (<u>hoặc một tỷ lệ khác được Tổ Chức Nhân Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận</u>) (*); S là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Cổ Phần BNC vào ngày định giá/ đánh giá lại, được xác định bằng tổng giá trị định giá của Tài Sản Thế Chấp Cổ Phần BNC (bao gồm cả Cổ Phần Thế Chấp và Cổ Phần BNC chờ về và/hoặc cổ tức chờ về được hưởng, phát sinh từ Cổ Phần Thế Chấp) theo biên bản định giá/đánh giá lại Tài Sản Thế Chấp Cổ Phần BNC tại thời điểm định giá/đánh giá lại giữa Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và các Bên Thế Chấp nhân với 0% (<u>hoặc một tỷ lệ khác được Tổ Chức Nhân Tài Sản Bảo Đảm chấp</u>
--	--	--	---

		<u>thuận</u>); C là tổng các khoản tiền (nếu có) trong các tài khoản (áp dụng trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành cam kết không rút khoản tiền này ra khỏi các tài khoản) hoặc khoản tiền gửi theo các hợp đồng tiền gửi được cầm cố/thế chấp cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm để bảo đảm cho việc thực hiện các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm được xác định vào 15:00 giờ (giờ Việt Nam) của ngày xác định Tổng Giá Trị Bảo Đảm có liên quan (và nếu chưa có các tài sản cầm cố/thế chấp là tiền/tiền gửi thì $C = 0$); OA là tổng giá trị bảo đảm của các Tài Sản Bảo Đảm khác (nếu có) được xác định tương ứng theo quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm khác vào ngày định giá/đánh giá lại (và nếu chưa có Tài Sản Bảo Đảm khác thì $OA = 0$). (*) Định nghĩa Giá Trị Bảo Đảm Động Sản Dự Án Bà Nà hoặc Giá Trị Bảo Đảm Động Sản Và Quyền Tài Sản sẽ được sử dụng tương ứng với từng Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm có liên quan.
2	Sửa đổi Điều 4.3(b) của Các Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm	Với điều kiện là chưa có bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào đang xảy ra và cũng chưa có bất kỳ sự kiện nào xảy ra làm phát sinh quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ cho phép: (i) giải chấp một phần/toàn bộ (nếu pháp luật Việt Nam cho phép) Tài Sản Bảo Đảm trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bổ sung tài sản bảo đảm khác có giá trị bảo đảm tương đương phần Tài Sản Bảo Đảm được giải chấp được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Với điều kiện là chưa có bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào đang xảy ra và cũng chưa có bất kỳ sự kiện nào xảy ra làm phát sinh quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ cho phép giải chấp một phần/toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm với điều kiện sau khi giải chấp một phần/toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm thì Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, bao gồm các trường hợp sau: (i) Tổ Chức Phát Hành bổ sung Tài Sản Bảo Đảm khác có giá trị bảo đảm tương đương phần Tài Sản Bảo

		Đảm chấp thuận (đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu); (ii) giải chấp một phần Tài Sản Bảo Đảm trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn định kỳ Trái Phiếu theo quy định tại Điều 10.2 Các Điều Kiện Trái Phiếu với điều kiện Tổng Giá Trị Bảo Đảm sau khi giải chấp một phần Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu. Để làm rõ, việc rút Tài Sản Bảo Đảm trong trường hợp này sẽ theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và Bên Có Quyền Đối Với Nghĩa Vụ Nợ và Tổ Chức Phát Hành;
		Đảm được giải chấp được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận (đại diện cho quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu); (ii) Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn định kỳ Trái Phiếu theo quy định tại Điều 10.2 Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để làm rõ, việc rút Tài Sản Bảo Đảm trong trường hợp này sẽ theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và Bên Có Quyền Đối Với Nghĩa Vụ Nợ và Tổ Chức Phát Hành; (iii) Xây ra các Thay Đổi Được Phép dẫn đến việc bước phải chấm dứt một phần hoặc toàn bộ <u>Biên Pháp Bảo Đảm</u> liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm hiện hữu có liên quan với điều kiện: (A) <u>Tài Sản Bảo Đảm mới được hình thành từ Thay Đổi Được Phép đó sẽ tiếp tục được sử dụng để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm;</u> (B) <u>không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn khác được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận) kể từ ngày giải chấp Tài Sản Bảo Đảm có liên quan, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan phải hoàn tất các công việc theo quy định tại Điều 4.3(c) liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm có liên quan đó;</u> (C) <u>nếu quá thời hạn quy định tại đoạn (B) trên đây, Tổ Chức Phát Hành chưa hoàn tất các công việc quy định tại đoạn (B) trên đây sẽ làm phát sinh Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Kiện 11.1(d) của Các Điều Kiện Trái</u>

			Phiếu và ngày phát sinh Sự Kiện Vi Phạm này là ngày kết thúc thời hạn quy định tại đoạn (B) trên đây.
3	Bổ sung thêm định nghĩa “Thay Đổi Được Phép” vào Điều 1.1 của Các Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm	Không quy định	“Thay Đổi Được Phép” có nghĩa là các thay đổi liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm mà Bên Bảo Đảm được phép thực hiện với điều kiện Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan phải thông báo cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận trước khi thực hiện các hành động được đề cập dưới đây: (a) thực hiện việc chuyển nhượng hoặc chuyển giao theo bất kỳ hình thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn việc bán, chuyển nhượng, trao đổi, hoán đổi, cho thuê, cho mượn, góp vốn) một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm hoặc tham gia các giao dịch tổ chức lại, đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp (bao gồm cả việc sáp nhập Bên Bảo Đảm vào doanh nghiệp khác, hợp nhất Bên Bảo Đảm và doanh nghiệp khác thành một doanh nghiệp mới) với điều kiện là, nếu xảy ra việc chuyển giao quyền sở hữu Tài Sản Bảo Đảm thì bên nhận chuyển giao quyền sở hữu phải tiếp tục dùng Tài Sản Bảo Đảm để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm Cho với các điều khoản và điều kiện tương tự với quy định của các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan (với những thay đổi thích hợp cho phù hợp với bối cảnh); (b) thực hiện các thay đổi khác đối với Tài Sản Bảo Đảm (không bao gồm các thay đổi với quyền sử dụng đất) bao gồm sửa chữa, duy tu, chuyển đổi công năng, xây mới, coi nới, mở rộng hoặc thay đổi khác (nếu có) đối với Tài Sản Bảo Đảm với điều kiện là Bên Bảo Đảm

			phải cung cấp cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm một báo cáo định giá của Công Ty Xác Định Giá Được Phép (trừ trường hợp Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm có chấp thuận khác), sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm trên cơ sở giá trị của Tài Sản Bảo Đảm được xác định bởi Công Ty Xác Định Giá Được Phép đó với giả định sau khi có các thay đổi đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm tương ứng
			(c) thực hiện tách thửa, hợp thửa hoặc những thay đổi khác đối với Tài Sản Bảo Đảm là bất động sản mà kết quả của việc thay đổi này dẫn đến sự thay đổi của Tài Sản Bảo Đảm đó (diện tích thửa đất, các công trình trên đất...) hoặc Giấy Tờ Liên Quan Đến Tài Sản Bảo Đảm có liên quan, với điều kiện (xx) Bên Bảo Đảm tiếp tục dùng tiếp tục dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau khi thực hiện các hành động được quy định tại điểm này để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Các Trái Phiếu với các điều khoản và điều kiện tương tự với quy định của Hợp Đồng này và các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan (với những thay đổi thích hợp cho phù hợp với bối cảnh); và (yy) Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu;
			“Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản” có nghĩa bao gồm Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản Dự Án Bà Nà và Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai Dự Án Bà Nà được quy định tại Điều 2.2(a)(i) và Điều 2.2(a)(ii) Hợp Đồng này, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả tài sản hiện có
4	Sửa đổi định nghĩa “Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản” được quy định tại Điều 1.1 của Các Hợp	“Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản” có nghĩa bao gồm Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản Dự Án Bà Nà và Tài Sản Thế Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai Dự Án Bà Nà được quy định tại Điều 2.2(a)(i) và Điều 2.2(a)(ii) Hợp Đồng này, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả tài sản hiện có	

	Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm	và tài sản hình thành trong tương lai) của Dự Án Bà Nà (như được định nghĩa trong Các Điều Kiện Trái Phiếu), ngoại trừ (i) quyền sử dụng các thửa đất (mà có thể sẽ được tách từ thửa đất có tổng diện tích 320.431,6 m ² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD917999 cấp ngày 24/11/2016 bởi Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Đà Nẵng) mà các hạng mục Khu Lâu Đài và Các Tuyến Cáp Tương Lai đã, đang và sẽ xây dựng trên các thửa đất đó, (ii) các công trình thuộc Khu Lâu Đài và Các Tuyến Cáp Tương Lai và (iii) các thửa đất được liệt kê tại Phụ Lục VI Hợp Đồng này	
5	Bổ sung thêm định nghĩa “Nghĩa Vụ Nợ” vào Điều 1.1 của Các Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm	Không quy định	“Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa như được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu
III	Các Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản		
1	Sửa đổi định nghĩa “Dự Án Bà Nà Thế Chấp” được quy định tại Phụ lục I của Các Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản	“Dự Án Bà Nà Thế Chấp” có nghĩa là toàn bộ dự án của Dự Án Bà Nà, ngoại trừ Khu Lâu Đài và Các Tuyến Cáp Tương Lai.	“Dự Án Bà Nà Thế Chấp” có nghĩa là toàn bộ các hạng mục công trình thuộc Dự Án Bà Nà, ngoại trừ (i) Dự Án Lâu Đài; (ii) Các Tuyến Cáp Tương Lai; và (iii) Khu Biệt Thự Golf
2	Bổ định nghĩa “Khu Lâu Đài”	“Khu Lâu Đài” có nghĩa là (i) khu Lâu đài Bà Nà có diện tích xây dựng (tầng 1) 7.654 m ² theo Giấy phép xây dựng	Bỏ

	được quy định tại Phụ lục I của Các Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản	số 336/GPXD do Sở Xây dựng cấp ngày 21/03/2011 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có) (ii) câu treo Peter Wyss, (iii) tuyển cấp kéo 2 và (iv) các công trình phụ trợ.	
3	Bổ sung thêm định nghĩa “ Dự Án Lâu Đài ” vào Phụ lục I của Các Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản	Không quy định	“ Dự Án Lâu Đài ” có nghĩa là các hạng mục công trình (i) Lâu Đài Bà Nà và (ii) Các Công Trình Phụ Trợ Liên Quan Đến Lâu Đài
4	Bổ sung thêm định nghĩa “ Các Công Trình Phụ Trợ Liên Quan Đến Lâu Đài ” vào Phụ lục I của Các Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản	Không quy định	“ Các Công Trình Phụ Trợ Liên Quan Đến Lâu Đài ” có nghĩa gồm các hạng mục công trình thuộc Dự Án Bà Nà sau: (i) Tuyển cấp kéo số 2; (ii) Vườn Thiên Thai; (iii) Quảng trường giáng sinh; và (iv) Nhà hàng thức ăn nhanh và Nhà ga, hệ thống máng trượt 02
5	Bổ sung thêm định nghĩa “ Khu Biệt Thự Golf ” vào Phụ lục I của Các Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản	Không quy định	“ Khu Biệt Thự Golf ” có nghĩa là các khu biệt thự golf (đất và các công trình hình thành trên đất) được Tổ Chức Phát Hành xây dựng trên các lô đất quy hoạch theo Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ - Khu du lịch sinh thái Suối Mơ ở chân núi Bà Nà (điều chỉnh lần thứ 10).

			Để làm rõ, Khu Biệt Thự Golf chỉ được sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành và hoặc bên thứ ba tại Techcombank.		
6	Bổ sung thêm định nghĩa “ Nghĩa Vụ Nợ ” vào Phụ lục I của Các Hợp Đồng Thẻ Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản	Không quy định	“ Nghĩa Vụ Nợ ” có nghĩa như được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu		
7	Sửa đổi Phụ lục II của Các Hợp Đồng Thẻ Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản	Như được quy định tại <i>Phụ lục II của Các Hợp Đồng Thẻ Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản</i>	Nội dung sửa đổi như được quy định tại Phụ lục 4 của Công văn xin ý kiến này		
V	Các Hợp Đồng Thẻ Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai				
1	Bổ sung thêm định nghĩa “ Nghĩa Vụ Nợ ” vào Phụ lục I của Các Hợp Đồng Thẻ Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai	Không quy định	“ Nghĩa Vụ Nợ ” có nghĩa như được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu		
2	Sửa đổi Phụ lục II – Danh mục tài sản thế chấp của	Như được quy định tại Phụ lục II của Các Hợp Đồng Thẻ Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai	<table><tr><td>STT</td><td>BẤT ĐỘNG SẢN HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI</td></tr></table>	STT	BẤT ĐỘNG SẢN HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI
STT	BẤT ĐỘNG SẢN HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI				

	Các Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản Hình Thành Trong Tương Lai		(kể cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc, kết cấu, hạ tầng và hạng mục (không bao gồm quyền sử dụng đất)) 1 Các công trình xây dựng hình thành trong tương lai theo Giấy phép xây dựng số 1096/GPXD do Sở Xây dựng – UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/06/2016 và Phụ lục 1 ngày 15/07/2022 điều chỉnh Giấy phép xây dựng số 1096/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/06/2016, với thông tin được ghi nhận tại giấy phép như sau: (a) Tổng số công trình: (i) Cổng – Tường thành 4 tầng DTXD 4.152 m² và hệ thống cảnh quan; (ii) Khách sạn M-Gallery 6 tầng DTXD 2.600 m² quy mô 132 phòng; (iii) Hạng mục cảnh quan xung quanh công trình Khách sạn M-Gallery: - Gia cố bảo vệ mái taly, chống sạt lở công trình Khách sạn M-Gallery; neo gia cố, kết nối bằng hệ thống khung dầm BTCT, phủ mái bằng lưới kết hợp vữa xi măng tạo cảnh núi. - Đường đi bộ xung quanh công trình Khách sạn M-Gallery; kết cấu BTCT, bề rộng từ 3,3 m đến 7,7m bám theo địa hình hiện trạng phục vụ đi bộ.
--	--	--	--

		- Mô hình núi lửa, kèm các hiệu ứng đèn ánh sáng (bao gồm hệ kết cấu khung, sân BTCT tạo hình núi lửa, phòng kỹ thuật phục vụ hệ thống tạo hiệu ứng về âm thanh, ánh sáng và phun nước phụ trợ cảnh quan). (iv) Khách sạn căn hộ Sun home Bà Nà 7 tầng DTXD 3.506 m² quy mô 262 phòng và 26 căn hộ khách sạn; (v) 03 nhà ga số 9 số 10-11 và số 12, tổng DTXD 5.566 m²; (vi) 02 tuyến cáp số 4 và số 5, tổng DTXD móng trụ 1.535 m²; (vii) Khu Nhà điều hành 2 tầng DTXD 970 m². (b) DT khu đất: 10.378.514 m²; DTXD: 18.329 m²; Tổng DT sàn: 65.791 m² (c) Vị trí xây dựng công trình: Theo Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1707/QĐ-UBND và Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 26/03/2016 của UBND thành phố.
	2	Các công trình xây dựng hình thành trong tương lai theo Giấy phép xây dựng số 31/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2021, với thông tin được ghi nhận tại giấy phép như sau: (a) Quy mô công trình gồm các hạng mục (theo thông báo thẩm định TKBVTC công trình):

				(i) San nền: San lấp mặt bằng theo cao độ khống chế đường giao thông, thoát nước; (ii) Giao thông: các tuyến đường có tổng chiều dài 6.020m; (iii) Thoát nước mưa: các tuyến cống có tổng chiều dài 4.010m (trong đó 14 cống qua đường); (iv) Thoát nước thải: các tuyến cống có tổng chiều dài 10.182m, 26 trạm bơm nước thải (công suất 711,34m³/h), nâng cấp 01 trạm xử lý nước thải (công suất 850m³/h), xây dựng mới 03 trạm xử lý nước thải (công suất 2.750m³/h); (v) Cấp nước: các tuyến ống có tổng chiều dài 18.457m; (vi) Cấp điện: 35 trạm biến áp, đường dây trung thế 22kV đi ngầm dài 9.660m (b) Vị trí xây dựng: Xã Hòa Ninh – xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
--	--	--	--	--

**PHỤ LỤC 4 - DANH MỤC GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN BẢO ĐẢM ĐSQTTS DỰ ÁN
BÀ NÀ THẾ CHẤP**

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
A	CÁC CHẤP THUẬN DỰ ÁN THẾ CHẤP
1.	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có mã số dự án 0216320067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp chứng nhận lần đầu ngày 08/05/2008 và chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 09/10/2023
2.	Quyết định số 4715/QĐ-UBND ngày 15/06/2012 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1:500 Bana Hill Resort & Residences
3.	Quyết định số 6947/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết TL 1/500 Quần thể Khu du lịch sinh thái Bà Nà – Suối Mơ
4.	Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 26/03/2016 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp về việc phê duyệt điều chỉnh TMB quy hoạch chi tiết TL 1:500 Bana Hill Resort & Residences
5.	Quyết định số 6684/QĐ-UBND ngày 01/10/2016 do UBND phố Đà Nẵng cấp về việc phê duyệt điều chỉnh Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết TL 1:500 Bana Hill Resort& Residences
6.	Quyết định số 3995/QĐ-UBND ngày 19/07/2017 do UBND phố Đà Nẵng cấp về việc phê duyệt điều chỉnh Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết TL 1:500 Bana Hill Resort& Residences
7.	Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1:500 Bana Hills Resort & Residences
8.	Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 24/07/2020 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết TL 1/500 Bana Hills Resort & Residences
9.	Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1:500 Quần thể Khu du lịch sinh thái Bà Nà – Suối Mơ
10.	Công văn số 2983/SXD-QHKT ngày 27/04/2020 do Sở Xây dựng – UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc điều chỉnh quy hoạch Quần thể Khu du lịch Bà Nà Hills và Bà Nà – Suối Mơ
11.	Công văn số 3037/UBND-SXD ngày 11/05/2020 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc điều chỉnh quy hoạch Quần thể Khu du lịch Bà Nà Hills và Bà Nà – Suối Mơ

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
12.	Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 27/09/2021 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết TL 1:500 Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ - Khu du lịch sinh thái trên đỉnh Bà Nà (Bana Hills Resort & Residences) xã Hòa Ninh và Hòa Phú, huyện Hòa Vang (điều chỉnh lần thứ 10)
13.	Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà Suối Mơ - Khu du lịch sinh thái Suối Mơ ở chân núi Bà Nà (điều chỉnh lần thứ 10)
14.	Quyết định số 5748/QĐ-UBND ngày 18/07/2012 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc phê duyệt Sơ đồ ranh giới chuyển quyền sử dụng đất, cho thuê và giao đất quản lý tôn tạo cảnh quan Bana Hills Resort & Residences
15.	Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 24/02/2014 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc phê duyệt điều chỉnh sơ đồ ranh giới chuyển quyền sử dụng, cho thuê và giao đất quản lý tôn tạo cảnh quan Bana Hills Resort & Residences
16.	Quyết định 85/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc phê duyệt Sơ đồ ranh giới giao quyền sử dụng đất, cho thuê và giao quản lý tại dự án Quần thể Khu du lịch sinh thái Bà Nà – Suối Mơ.
17.	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 22/03/2012 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc thu hồi đất, giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà sử dụng để đầu tư xây dựng Quần thể Khu du lịch sinh thái Bà Nà – Suối Mơ
18.	Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 22/03/2012 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc thu hồi đất, giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà sử dụng để đầu tư xây dựng Quần thể Khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ
19.	Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 17/08/2012 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc thu hồi đất, cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà thuê đất để đầu tư xây dựng tuyến cáp treo mới Khu du lịch Bà Nà - Suối Mơ
20.	Quyết định số 9075/QĐ-UBND ngày 03/11/2012 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc điều chỉnh diện tích thu hồi đất tại Điều 1 Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 22/03/2012 của UBND Thành phố Đà Nẵng
21.	Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 14/08/2012 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án hợp phần “Nhà ga và tuyến cáp treo số 3 Bà Nà Suối Mơ” của Công ty CP dịch vụ cáp treo Bà Nà. Địa điểm: xã Hòa Phú và xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
22.	Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất số 49/HĐ-CQSDĐ ngày 22/02/2008 giữa Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Đầu tư Mặt trời
23.	Hợp đồng thuê đất số 08/HĐ-TĐ ngày 05/04/2012 giữa UBND Thành phố Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
24.	Hợp đồng thuê đất số 09/HĐ-TĐ ngày 23/04/2012 ký giữa UBND Thành phố Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp treo Bà Nà
25.	Hợp đồng giao đất có thu tiền sử dụng đất số 652/HĐ-GQSDĐ/KTQĐ ngày 12/10/2012 giữa Công ty Quản lý và Khai thác Đất Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp treo Bà Nà
26.	Hợp đồng thuê đất số 15/HĐ-TĐ ngày 24/08/2012 ký giữa UBND Thành phố Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp treo Bà Nà
27.	Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất được ký kết giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời và Công ty Cổ phần dịch vụ cấp treo Bà Nà, được Văn phòng công chứng Trọng Tâm thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 09/04/2009, số công chứng: 947
28.	Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 03/04/2009, số công chứng: 4294
29.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104125 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03564)
30.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104128 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03567)
31.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104259 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03560)
32.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104258 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03559)
33.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104126 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03565)
34.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104129 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03568)
35.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 104127 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/03/2009 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T03566)
36.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 631341 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/02/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 2561 QSDĐ)
37.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 631340 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/02/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 2562 QSDĐ)
38.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652676 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3138 QSDĐ)
39.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652682 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3142 QSDĐ)

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
40.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652677 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3139 QSDĐ)
41.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652679 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3140 QSDĐ)
42.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 631339 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/02/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 2560 QSDĐ)
43.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 652681 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2000 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 3141 QSDĐ)
44.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445761 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19254)
45.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445762 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19255)
46.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445763 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19256)
47.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445764 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19257)
48.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 445765 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT19258)
49.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189350 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15889)
50.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189351 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15890)
51.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189352 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15891)
52.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189353 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15892)

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
53.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 189354 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/03/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT15893)
54.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678654 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/09/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT18650)
55.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678655 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/09/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT18651)
56.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678656 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/09/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT18652)
57.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 678657 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/09/2013 (Số vào sổ cấp GCN: CT18653)
58.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 917999 do Sở tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 24/11/2016 (Số vào sổ cấp GCN: CT 33333)
59.	Giấy phép xây dựng số 124/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 22/02/2008
60.	Giấy phép xây dựng số 1339/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 26/11/2008
61.	Giấy phép xây dựng số 691/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 05/05/2010
62.	Giấy phép xây dựng số 45/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 19/01/2011
63.	Giấy phép xây dựng số 125/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 14/02/2011
64.	Giấy phép xây dựng số 703/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 24/05/2012
65.	Giấy phép xây dựng số 1090/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 17/08/2012
66.	Giấy phép xây dựng số 441/GP-SGTVT của Sở Giao thông vận tải UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 18/09/2012
67.	Giấy phép xây dựng số 1091/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 17/08/2012

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THỂ CHẤP
68.	Giấy phép xây dựng số 1096/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 01/06/2016
69.	Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Giấy phép xây dựng số 1096/GPXD ngày 01/06/2016 của Sở Xây Dựng – UBND Thành phố Đà Nẵng) được Sở Xây Dựng Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/07/2022
70.	Giấy phép xây dựng số 31/GPXD do Sở Xây Dựng UBND Thành phố Đà Nẵng ngày 25/03/2021
B	MÁY MÓC THIẾT BỊ
B.1	<u>PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI</u>
1.	Xe Toyota Hiace, màu bạc. Số khung: 22P106171516. Số máy 90721262TR. Biển kiểm soát 43B-033.72. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036420 được cấp ngày 12/04/2017
2.	Xe Thaco Towner 7, màu xanh. Số khung: 75ACFC066656. Số máy QE56006243F5. Biển kiểm soát 43C-101.52. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014567 được cấp ngày 13/10/2015
3.	Xe Ford Transit, màu bạc. Số khung: T4MFJMR72747. Số máy RATORQ4D244L. Biển kiểm soát 43B-043.46. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059264 được cấp ngày 07/08/2018
4.	Xe County HM K29B, màu nâu trắng. Số khung: 17PP9T000370. Số máy D4DD9405739. Biển kiểm soát 43B-017.37. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005375 được cấp ngày 19/12/2014, đăng ký lần đầu ngày 13/11/2009
5.	Xe Toyota Hiace, màu trắng. Số khung: 9002648. Số máy 6850585. Biển kiểm soát 43X-1481. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000679 được cấp ngày 08/02/2010
6.	Xe Kia, màu trắng. Số khung: 047352. Số máy IT-592352. Biển kiểm soát 43S-9953. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011484 được cấp ngày 22/09/2009, đăng ký lần đầu ngày 21/09/2009
7.	Xe Thaco, màu xanh. Số khung: 059545. Số máy B0307317. Biển kiểm soát 43C-019.52. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002203 được cấp ngày 05/08/2011
8.	Xe Toyota Fortuner, màu bạc. Số khung: 4003832. Số máy 6590135. Biển kiểm soát 43X-2620. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003841 được cấp ngày 17/08/2010, đăng ký lần đầu ngày 16/08/2010
9.	Xe Thaco TD200 4WD, màu xanh. Số khung: RNHF200ACCC095853. Số máy 4DW9273WB355842. Biển kiểm soát 43C-050.57. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013083 được cấp ngày 20/05/2013

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
10.	Xe Hyundai Univers, màu trắng. Số khung: 18TPEC911361. Số máy D6CBE260039. Biển kiểm soát 43B-017.31. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000005 được cấp ngày 02/06/2014, đăng ký lần đầu ngày 30/05/2014
11.	Xe Hyundai Univers, màu trắng. Số khung: 18TPEC911362. Số máy D6CBE260040. Biển kiểm soát 43B-018.03. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000004 được cấp ngày 02/06/2014, đăng ký lần đầu ngày 30/05/2014
12.	Xe Hyundai Univers, màu trắng. Số khung: 18TPEC911360. Số máy D6CBE260038. Biển kiểm soát 43B-011.25. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000006 được cấp ngày 02/06/2014, đăng ký lần đầu ngày 30/05/2014
13.	Xe Hyundai Univers, màu vàng. Số khung: 18TPEC008497. Số máy D6CBE260042. Biển kiểm soát 43B-015.48. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000001 được cấp ngày 02/06/2014, đăng ký lần đầu ngày 30/05/2014
14.	Xe Thaco K165CS, màu trắng. Số khung: 00BKFC046640. Số máy JT668770. Biển kiểm soát 43C-084.84. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009181 được cấp ngày 24/04/2015
15.	Xe Toyota Hiace, màu trắng. Số khung: 22PX06150776. Số máy 86696162TR. Biển kiểm soát 43B-021.65. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009208 được cấp ngày 25/04/2015, đăng ký lần đầu ngày 24/04/2015
16.	Xe Hyundai Universe, màu trắng. Số khung: 18TPFC912945. Số máy D6CBEJ275180. Biển kiểm soát 43B-016.24. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009145 được cấp ngày 24/04/2015
17.	Xe Hyundai Universe, màu trắng. Số khung: 18TPFC912943. Số máy D6CBEJ275179. Biển kiểm soát 43B-020.76. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009148 được cấp ngày 24/04/2015
18.	Xe Hyundai Universe, màu trắng. Số khung: 18TPFC912942. Số máy D6CBEJ275207. Biển kiểm soát 43B-020.41. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009164 được cấp ngày 24/04/2015
19.	Xe Thaco Towner 7, màu trắng. Số khung: 75ACFC069128. Số máy QE56004553F5. Biển kiểm soát 43C-109.62. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017783 được cấp ngày 05/01/2016
20.	Xe Thaco Towner 7, màu xanh. Số khung: 75ACEC017563. Số máy QE39013053F5. Biển kiểm soát 43C-114.67. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020175 được cấp ngày 15/03/2016, đăng ký lần đầu ngày 11/03/2016
21.	Xe Hyundai Universe, màu trắng. Số khung: 18TPHC915402. Số máy D6CFGJ308672. Biển kiểm soát 43B-034.79. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037544 được cấp ngày 05/05/2017

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
22.	Xe Thaco townner, màu xanh. Số khung: 75ACGC002174. Số máy QE64004053F5. Biển kiểm soát 43C-126.54. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024835 được cấp ngày 07/07/2016, đăng ký lần đầu ngày 06/07/2016
23.	Xe Dothanh mighty, màu trắng. Số khung: 27BPGD000059. Số máy D4DBFJ606746. Biển kiểm soát 43C-130.04. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026734 được cấp ngày 24/08/2016, đăng ký lần đầu ngày 23/08/2016
24.	Xe Thaco townner, màu xanh. Số khung: 75ACGC002158. Số máy QE64003213F5. Biển kiểm soát 43C-131.31. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026983 được cấp ngày 01/09/2016, đăng ký lần đầu ngày 31/08/2016
25.	Xe Toyota Hiace, màu bạc. Số khung: 22P406172143. Số máy 90758262TR. Biển kiểm soát 43B-032.33. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036417 được cấp ngày 12/04/2017
26.	Xe Hyundai Univers, màu trắng. Số khung: 18TPEC911359. Số máy D6CBE260041. Biển kiểm soát 43B-012.06. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000003 được cấp ngày 02/06/2014, đăng ký lần đầu ngày 30/05/2014
27.	Xe Hyundai universe, màu trắng. Số khung: 18TPHC915398. Số máy D6CBGJ308826. Biển kiểm soát 43B-034.23. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037534 được cấp ngày 05/05/2017
28.	Xe Hyundai universe, màu trắng. Số khung: 18TPHC915376. Số máy D6CBGJ308828. Biển kiểm soát 43B-034.66. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037542 được cấp ngày 05/05/2017
29.	Xe Hyundai universe, màu trắng. Số khung: 18TPHC915400. Số máy D6CBGJ308670. Biển kiểm soát 43B-034.58. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037539 được cấp ngày 05/05/2017
30.	Xe Hyundai universe, màu trắng. Số khung: 18TPHC915375. Số máy D6CBGJ308669. Biển kiểm soát 43B-034.86. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037543 được cấp ngày 05/05/2017
31.	Xe Hyundai universe, màu trắng. Số khung: 18TPHC915403. Số máy D6CBGJ308671. Biển kiểm soát 43B-034.47. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037540 được cấp ngày 05/05/2017
32.	Xe Hyundai universe, màu trắng. Số khung: 18TPHC915399. Số máy D6CBGJ308829. Biển kiểm soát 43B-034.44. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037537 được cấp ngày 05/05/2017
33.	Xe Toyota Hiace, màu trắng. Số khung: 22P506168571. Số máy 90545852TR. Biển kiểm soát 43B-026.79. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021862 được cấp ngày 27/04/2016, đăng ký lần đầu ngày 26/04/2016
34.	Xe Toyota Hiace, màu bạc. Số khung: 22P906177760. Số máy 91073862TR. Biển kiểm soát 43B-033.38. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036917 được cấp ngày 21/04/2017

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
35.	Xe Suzuki Carry, màu trắng. Số khung: N71TJJ400578. Số máy G16AID289405. Biển kiểm soát 43C-161.56. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 041909 được cấp ngày 31/07/2017
36.	Xe Hyundai Universe, màu trắng. Số khung: 18TPFC912944. Số máy D6CBEJ275211. Biển kiểm soát 43B-022.61. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009163 được cấp ngày 24/04/2015
37.	Xe Hyundai Universe, màu trắng. Số khung: 18TPFC912941. Số máy D6CBEJ275209. Biển kiểm soát 43B-022.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009150 được cấp ngày 24/04/2015
38.	Xe Hyundai Universe, màu trắng. Số khung: 18TPHC915404. Số máy D6CBGJ308668. Biển kiểm soát 43B-034.64. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037533 được cấp ngày 05/05/2017
39.	Xe ô tô khách Toyota Hiace, màu trắng. Số khung: 22P605128018. Số máy 1KDU991333. Biển kiểm soát 43B-049.96. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 073191 được cấp ngày 26/04/2019
40.	Xe tải có cần cẩu HINO FC9JLSW, màu trắng. Số khung: 9JLSHXX16061. Số máy J05ETE17953. Biển kiểm soát 43C-202.84. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066167 được cấp ngày 19/12/2018
B.2	TUYỂN CẤP SỐ 1 & 2
1.	Hợp đồng số 02/BN-DPM ngày 26/10/2007
2.	Hợp đồng số 03/BN-DPM ngày 08/07/2008
3.	Hợp đồng số WAA0002420/23 ngày 01/09/2010
4.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 43/NK/NĐT/KVII, ngày 28/05/2008
5.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 57/NK/NĐT/KVII, ngày 26/06/2008
6.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 84/NK/NĐT/KVII, ngày 11/08/2008
7.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 64/NK/NĐT/KVII, ngày 18/07/2008
8.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 07/NK/NĐT/KVII, ngày 16/01/2009
9.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 20/NK/NĐT/KVII, ngày 25/02/2009

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
10.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu 15/NK/NĐT/SB, ngày 23/10/2008
11.	Tờ khai hải quan điện tử số 27, ngày 28/01/2011
12.	Tờ khai hải quan điện tử số 29, ngày 28/01/2011
13.	Hóa đơn số 08331563 ngày 31/03/2008
14.	Hóa đơn số 09330170 ngày 05/06/2008
15.	Hóa đơn số 09330230 ngày 24/06/2008
16.	Hóa đơn số 09330238 ngày 30/06/2008
17.	Hóa đơn số 09330888 ngày 01/12/2008
18.	Hóa đơn số 09331027 ngày 15/01/2009
19.	Hóa đơn số 09330606 ngày 13/10/2008
20.	Hóa đơn số 11331359 ngày 21/12/2010
21.	Hóa đơn số 11331356 ngày 21/12/2010
B.3	TUYỂN CẤP SỐ 3
1.	Tờ khai hải quan điện tử số 4 ngày 14/01/2013
2.	Tờ khai hải quan điện tử số 27 ngày 04/03/2013
3.	Tờ khai hải quan điện tử số 161 ngày 28/09/2012
4.	Tờ khai hải quan điện tử số 5 ngày 18/01/2013
5.	Tờ khai hải quan điện tử số 12 ngày 26/01/2013
6.	Tờ khai hải quan điện tử số 181 ngày 30/11/2012
7.	Tờ khai hải quan điện tử số 6 ngày 18/01/2013

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
8.	Tờ khai hải quan điện tử số 11 ngày 26/01/2013
9.	Hóa đơn số 13331160 ngày 08/11/2012
10.	Hóa đơn số 13331379 ngày 14/01/2013
11.	Hóa đơn số 13330622 ngày 22/08/2012
12.	Hóa đơn số 13331250 ngày 30/11/2012
13.	Hóa đơn số 13331338 ngày 13/12/2012
14.	Hóa đơn số 13331052 ngày 15/10/2012
15.	Hóa đơn số 13331241 ngày 28/11/2012
16.	Hóa đơn số 13331275 ngày 03/12/2012
B.4	TUYÊN CẤP SỐ 4 & 5
1.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101116985430 ngày 07/11/2016
2.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101212271640 ngày 04/01/2017
3.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101246156910 ngày 02/02/2017
4.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101157377860 ngày 01/12/2016
5.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101328601951 ngày 28/03/2017
6.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101338372000 ngày 03/04/2017
7.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101319649760 ngày 22/03/2017
8.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101226211110 ngày 12/01/2017
9.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101084209550 ngày 17/10/2016
10.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101328669411 ngày 28/03/2017

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
11.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101246171720 ngày 02/02/2017
12.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101198886240 ngày 26/12/2016
13.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101226300010 ngày 12/01/2017
14.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101256488060 ngày 09/02/2017
15.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101277262660 ngày 23/02/2017
16.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101274883621 ngày 22/02/2017
17.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101145449160 ngày 24/11/2016
18.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101185976030 ngày 19/12/2016
19.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101127633240 ngày 14/11/2016
20.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101145507300 ngày 24/11/2016
21.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101179886140 ngày 15/12/2016
22.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101180265760 ngày 15/12/2016
23.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101170403610 ngày 09/12/2016
24.	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101117240560 ngày 07/11/2016
25.	Hóa đơn số PJ20170685 ngày 30/09/2016
26.	Hóa đơn số PJ20170773 ngày 24/10/2016
27.	Hóa đơn số PJ20170860 ngày 17/11/2016
28.	Hóa đơn số PJ20170756 ngày 20/10/2016
29.	Hóa đơn số PJ20171149 ngày 09/02/2017
30.	Hóa đơn số SOC17-083A ngày 03/04/2017

STT	GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP
31.	Hóa đơn số R7374, R7375, R7376 ngày 14/03/2017
32.	Hóa đơn số PJ20170858 ngày 17/11/2016
33.	Hóa đơn số PJ20170720 ngày 11/10/2016
34.	Hóa đơn số PJ20171150 ngày 09/02/2017
35.	Hóa đơn số PJ20170875 ngày 22/11/2016
36.	Hóa đơn số PJ20170753 ngày 20/10/2016
37.	Hóa đơn số PJ20170853 ngày 16/11/2016
38.	Hóa đơn số PJ20170916 ngày 01/12/2016
39.	Hóa đơn số SOC17-045A ngày 21/02/2017
40.	Hóa đơn số SOC17-037A ngày 16/02/2017
41.	Hóa đơn số PJ20170698 ngày 05/10/2016
42.	Hóa đơn số PJ20170758 ngày 20/10/2016
43.	Hóa đơn số PJ20170686 ngày 30/09/2016
44.	Hóa đơn số PJ20170687 ngày 30/09/2016
45.	Hóa đơn số PJ20170751 ngày 20/10/2016
46.	Hóa đơn số PJ20170754 ngày 20/10/2016
47.	Hóa đơn số 16V0010 ngày 18/11/2016
48.	Hóa đơn số PJ20170684 ngày 30/09/2016
C	Tất cả các tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế cho các tài liệu quy định từ Mục A đến Mục C nêu trên

